

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08/6/2023

“V/v *chị H xin ly hôn anh Q*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh Xuân và ông Nguyễn Đức Thịnh

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thu Uyên - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1992

HKTT: Thôn T, xã T, huyện P, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987

HKTT: Thôn T, xã T, huyện P, TP Hà Nội.

Chị H có mặt; anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30/3/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị H tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn Q từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh T là quê quán của anh Q. Sau khi cưới, anh chuyển về T chung sống cùng chị. Tình cảm hòa thuận đến khoảng tháng 05/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính, bất đồng quan điểm, anh Q ham chơi và thiếu trách nhiệm với gia đình. Đến tháng 5/2020 anh Q bỏ lên L làm ăn và ly thân chị từ đó đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, hạnh phúc không có, chị đề nghị được ly hôn anh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân B, sinh ngày 12/7/2013 và Nguyễn Quang A, sinh ngày 03/3/2019 hiện nay đang ở cùng chị.

Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Chị H khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa xét.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn Q: Không đến Tòa làm việc, không có quan điểm về vụ kiện.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- *Về tố tụng:* Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn a Nguyễn Văn Q; Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 12/7/2013 và Nguyễn Quang A, sinh ngày 03/3/2019 giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục; Tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung anh Q. Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng: Không xét. Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của các bên đương sự đều thuộc xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên toà: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Q đều vắng mặt và chỉ nhắn tin qua điện thoại, thông báo không về Tòa án làm việc do bận làm ở thành phố L. Vì vậy, theo quy định của các Điều 227, điều 228 của BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vắng mặt anh Q.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:*

Chị Tạ Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn Q là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 03/12/2012. Sau đó, anh Q đã chuyển hộ khẩu về quê vợ ở tại thôn T, xã T, huyện P sinh sống. Các bên đã có thời gian dài với khoảng 07 – 08 năm hoà thuận mới phát

sinh mâu thuẫn, do không hợp tính, bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung. Đến giữa năm 2020, anh Q lên L làm ăn và các bên ly thân nhau từ đó đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đều vắng mặt với lý do bận làm ăn, không có quan điểm về việc kiện, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, dù anh Q có thể hiện mong muốn được đoàn tụ vì “*Hai bên gia đình không cho ly hôn*”, song anh Q không cụ thể mong muốn đó bằng việc làm của mình, chứng tỏ anh Q cũng không thực sự và tha thiết được đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã đến mức trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã hơn 02 năm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự và các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Xét yêu cầu của chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 12/7/2013 và Nguyễn Quang A, sinh ngày 03/03/2019. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu B và cháu Quang A đã ở với chị H suốt hơn 02 năm qua, bản thân cháu B cũng có nguyện vọng để chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu, còn cháu Quang A còn nhỏ mới ngoài 03 tuổi, vẫn rất cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó, HĐXX nhận thấy cần tiếp tục giao cả 02 cháu cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, nên tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q đến khi chị H có yêu cầu hoặc sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng*: Chị H không yêu cầu, trong khi anh Q không có quan điểm, do đó Tòa không xét trong vụ án này. Trường hợp sau này, nếu các bên có tranh chấp và có yêu cầu, thì Tòa án sẽ giành quyền khởi kiện trong 01 vụ kiện độc lập khác, để không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án cũng như quyền lợi của các bên trong việc kiện.

[5]. *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 39 BLDS, Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị H.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 12/7/2013 và Nguyễn Quang A, sinh ngày 03/3/2019 cho chị Tạ Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn Q đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

- *Về tài sản, công nợ chung vợ chồng*: Tòa không xét.

- *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Tạ Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0048154 ngày 04/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Tạ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ